|  |  |
| --- | --- |
| ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG NAM**HUYỆN UỶ NAM TRÀ MY****\*** |  **ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM***Nam Trà My, ngày tháng 9 năm 2021* |
|  Số -CTr/HU (Dự thảo) |  |

**CHƯƠNG TRÌNH**

**Thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 20/7/2021 của Tỉnh ủy Quảng Nam về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;**

**định hướng một số dự án quan trọng giai đoạn 2021 – 2025**

**và tầm nhìn đến năm 2030**

-----

Thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 20/7/2021 của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; định hướng một số dự án quan trọng giai đoạn 2021–2025 và tầm nhìn đến năm 2030; Huyện ủy xây dựng Chương trình thực hiện Nghị quyết như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

**1.** Nhằm cụ thể hóa, thực hiện đầy đủ, kịp thời, toàn diện các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đề ra trong Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 20/7/2021 của Tỉnh ủy *về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; định hướng một số dự án quan trọng giai đoạn 2021 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030.*

**2.** Phân công trách nhiệm cụ thể các ban, ngành, địa phương, cơ quan và đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch hành động cụ thể, tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với tình hình thực tế nhằm đạt các mục tiêu đã đề ra. Tăng cường phối hợp đồngbộ của các ban, ngành, hội, đoàn thể, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan trong tổ chức thực hiện.

**3.** Chú trọng công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình, kết quả thực hiện và định kỳ sơ kết, tổng kết.

**II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU**

**1. Quan điểm**

- Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi là nhiệm vụ quan trọng của toàn Đảng bộ và cả hệ thống chính trị trên cơ sở vận dụng đúng đắn, sáng tạo các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhất là Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội vào tình hình thực tế của địa phương, đảm bảo phù hợp với điều kiện tự nhiên, lịch sử, kinh tế, văn hoá, xã hội, phong tục tập quán của người dân.

- Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi phải toàn diện, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, phát huy lợi thế, tiềm năng của vùng và tinh thần tự lực của đồng bào DTTS. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tăng cường đồng thuận xã hội; phát huy nội lực, vượt qua khó khăn, thách thức; củng cố khối đại đoàn kết toàn dân và lòng tin của đồng bào đối với Đảng và Nhà nước.

- Tập trung huy động mọi nguồn lực đầu tư phát triển vùng đồng bào DTTS và miền núi; bảo đảm và nâng cao hiệu quả nguồn lực đầu tư; ưu tiên đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, tập trung cho địa bàn đặc biệt khó khăn trên địa bàn huyện.

**2. Mục tiêu**

***2.1. Mục tiêu tổng quát***

Huy động, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực gắn với khai thác tốt tiềm năng, lợi thế của huyện để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, bảo vệ rừng, tài nguyên, khoáng sản, môi trường sinh thái, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa của đồng bào DTTS và miền núi; nâng cao mọi mặt về đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; quyết tâm xây dựng huyện Nam Trà My ngày càng phát triển bền vững. Thu hẹp dần khoảng cách về mức thu nhập của huyện so với bình quân chung của cả Tỉnh; đảm bảo cho người dân có thu nhập ổn định từ phát triển kinh tế rừng, kinh tế vườn, kinh tế trang trại. Tập trung nguồn lực để sắp xếp, bố trí ổn định dân cư vùng nguy cơ cao về thiên tai; đầu tư kết cấu hạ tầng đồng bộ phục vụ sản xuất, sinh hoạt và y tế, giáo dục - đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

***2.2.1. Mục tiêu đến năm 2025***

- Tỷ lệ hộ nghèo bình quân hằng năm giảm 4,5% đến 05% (*theo chuẩn của giai đoạn 2020 – 2025*).

- Thu nhập bình quân đầu người đạt từ 40 – 45 triệu đồng/người/năm.

- Đào tạo nghề cho lao động nông thôn mỗi năm đạt bình quân 350 lao động; nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 38,5%, trong đó, lao động được đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt từ 17,5%; tạo việc làm mới cho 400 lao động/năm; lao động đi làm việc ở nước ngoài có thời hạn 30 lao động/năm. Tỷ lệ lao động qua đào tạo theo ngành: Nông, lâm nghiệp 50,0%; Công nghiệp - Xây dựng 30,0%; Thương mại - Dịch vụ 20,0%. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực người dân tộc thiểu số, tỷ lệ lao động nông nghiệp khoảng 70,0% lao động xã hội.

- Độ che phủ rừng đạt 62%.

- Có 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới (01 xã (Trà Mai) tiếp tục duy trì và 01 xã (xã Trà Linh) phấn đấu đạt vào năm 2025); Thôn đạt tiêu chí nông thôn mới: 13 thôn; thôn đạt chuẩn KDC nông thôn mới kiểu mẫu: 05 thôn. Không còn xã dưới 13 tiêu chí;

- Hoàn thành việc sắp xếp, bố trí dân cư cho 2.544 hộ theo chỉ tiêu tỉnh giao tại Quyết định số 2405/QĐ-UBND ngày 23/8/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam.

- Hệ thống giao thông có đường ô tô đến 95% thôn, 100% đường trục liên xã được nhựa hóa, bê tông hóa và trên 80% đường trục thôn được cứng hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật được quy định trong Chương trình xây dựng nông thôn mới.

- Phấn đấu 10/10 xã được xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng tại các khu dân cư.

- Đồng bào DTTS trên địa bàn huyện được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe hiện đại; tiếp tục khống chế, tiến tới loại bỏ dịch bệnh; 98% đồng bào DTTS tham gia bảo hiểm y tế.

- Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 85%.

- Tỷ lệ hộ sử dụng điện đạt trên 90%. Các xã có điểm phục vụ bưu chính, viễn thông; 100% hộ DTTS được xem truyền hình và nghe đài phát thanh.

**2.2.2. Mục tiêu đến năm 2030**

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn dưới 20%.

- Thu nhập bình quân đầu người bằng 1/2 bình quân chung của cả nước.

- Tỷ lệ lao động nông nghiệp khoảng 60% lao động xã hội; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 45%.

- Tỷ lệ độ che phủ rừng đạt trên 70%.

- Số xã đạt chuẩn NTM trên 03 xã (trong đó 02 xã duy trì: Trà Mai và Trà Linh). Phấn đấu có ít nhất 60% số thôn được công nhận đạt chuẩn thôn NTM kiểu mẫu.

- Có trên 85% số xã, thôn có đủ cơ sở hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đời sống của người dân.

- Hoàn thành việc bố trí sắp xếp và ổn định dân cư gắn với quy hoạch xây dựng NTM và đảm bảo phòng tránh thiên tai; 100% số hộ dân đồng bào DTTS được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

- Có 100% thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng; 65% thôn có đội văn hóa, văn nghệ (câu lạc bộ) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng.

- 100% đồng bào DTTS tham gia bảo hiểm y tế.

**III. ĐỊNH HƯỚNG THỰC HIỆN DỰ ÁN QUAN TRỌNG TẠI HUYỆN NAM TRÀ MY**

**1. Nhóm dự án bảo vệ, phát triển rừng và bảo tồn đa dạng sinh học**

Tập trung triển khai thực hiện cơ chế hỗ trợ đầu tư phát triển về lâm nghiệp phù hợp gắn với thực hiện đề án trồng 1 tỷ cây xanh, đề án hỗ trợ trồng rừng gỗ lớn giai đoạn 2021 - 2025. Thực hiện tốt việc quản lý, bảo vệ nghiêm ngặt diện tích rừng tự nhiên hiện có; bảo tồn đa dạng sinh học; triển khai thực hiện thí điểm kinh doanh tín chỉ cac-bon rừng từ giảm phát thải khí nhà kính thông qua chống mất rừng và suy thoái rừng (REED+); thúc đẩy quản lý bền vững rừng sản xuất; cải thiện sinh kế cho người dân sống trong rừng và phụ thuộc vào rừng. Xây dựng và nhân rộng mô hình quản lý rừng cộng đồng gắn với cải thiện sinh kế cho người dân.

Ứng dụng công nghệ viễn thám, GIS, công nghệ thông tin phục vụ đánh giá, giám sát tài nguyên rừng và theo dõi diễn biến rừng hằng năm, xây dựng bản đồ rừng, đầu tư thiết bị chống cháy, chống trộm, chống chặt phá rừng.

**2. Nhóm dự án sắp xếp dân cư, ổn định chỗ ở phòng tránh thiên tai và biến đổi khí hậu**

Tiếp tục tập trung thực hiện bố trí, sắp xếp dân cư, ổn định sản xuất gắn với quy hoạch xây dựng NTM; cơ bản hoàn thành việc sắp xếp ổn định dân cư, trong đó tập trung ưu tiên bố trí, sắp xếp dân cư để phòng tránh thiên tai nhằm ổn định về chỗ ở, đảm bảo an toàn, tạo điều kiện thuận lợi để người dân tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, cải thiện sinh kế, góp phần thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững và an sinh xã hội.

Xây dựng các điểm định canh định cư tập trung ở những nơi có điều kiện, phù hợp với địa hình tự nhiên, gần nơi canh tác sản xuất, đảm bảo kết cấu hạ tầng thiết yếu và phát triển sản xuất để người dân đến nơi ở mới có điều kiện sống ổn định lâu dài, hình thành vùng sản xuất sản phẩm hàng hóa ở các xã sau tái thiết do bị ảnh hưởng bởi thiên tai.

Các địa phương có trách nhiệm lựa chọn và bố trí dân cư tại các điểm tập trung phải có đủ điều kiện đất ở, đất sản xuất, đảm bảo quỹ đất dự phòng đáp ứng nhu cầu về gia tăng dân số, thuận lợi trong việc kết nối các hạ tầng điện, giao thông, y tế, giáo dục, nguồn nước; phù hợp với phong tục tập quán sinh hoạt của người dân… Nhà nước hỗ trợ kinh phí trực tiếp đến hộ dân theo định mức bảo đảm công khai, minh bạch.

Việc xây dựng các công trình công cộng như trường học, trạm y tế... cần phải đảm bảo việc sử dụng và gắn với phòng tránh thiên tai tại chỗ.

**3. Nhóm dự án phát triển kinh tế rừng, dược liệu, lâm sản ngoài gỗ**

Thu hút doanh nghiệp tham gia đầu tư phát triển lâm nghiệp theo hướng liên kết với người dân phát triển kinh tế rừng theo chuỗi giá trị từ khâu trồng, tiêu thụ sản phẩm gắn với chế biến sâu; trồng rừng gỗ lớn theo hướng thâm canh gắn với cấp chứng chỉ rừng; tăng cường công tác quản lý giống để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.

Tiếp tục đề xuất Bộ, ngành Trung ương, HĐND, UBND tỉnh và các ban ngành tỉnh bổ sung xây dựng cơ chế, chính sách mới về phát triển sâm Ngọc Linh và dược liệu, xây dựng vườn bảo tồn và phát triển cây dược liệu quốc gia; bảo tồn, phát triển cây Quế Trà My; việc phát triển dược liệu dưới tán rừng phải gắn với bảo vệ rừng.

Nghiên cứu, rà soát, bố trí lại các loài cây trồng chủ lực, có giá trị kinh tế, phù hợp với điều kiện tự nhiên, thổ nhưỡng, thích ứng với biến đổi khí hậu để từng bước hình thành các vùng chuyên canh sản xuất theo chuỗi giá trị nông nghiệp thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu, bao gồm cả phát triển chăn nuôi. Bảo vệ, khai thác bền vững và hiệu quả đối với việc phát triển lâm sản ngoài gỗ, dược liệu dưới tán rừng.

**4. Nhóm dự án phát triển kinh tế vườn, kinh tế trang trại, sản phảm OCOP gắn với phát triển du lịch cộng đồng**

Tập trung đẩy mạnh việc chỉnh trang, cải tạo vườn tạp, rà soát và bố trí các loại cây ăn quả, cây công nghiệp có giá trị, chăn nuôi an toàn sinh học và kiểm soát môi trường, phù hợp với từng địa phương, vùng sinh thái để tiến tới đầu tư phát triển kinh tế vườn, kinh tế trang trại theo hướng hữu cơ, xanh - sạch - đẹp, an toàn sinh học, gắn với du lịch sinh thái. Hỗ trợ phát triển vườn nhà, vườn rừng, trồng cây dược liệu, cây ăn quả gắn với vùng sản xuất tập trung, nông nghiệp hữu cơ gắn với công nghiệp chế biến.

Bảo tồn, phát triển các ngành nghề truyền thống, gắn phát triển làng nghề với phát triển du lịch, tạo ra hướng phát triển mới đối với làng nghề ở các xã. Ưu tiên và tập trung nguồn lực để hỗ trợ đầu tư hạ tầng, thiết bị để khôi phục và phát triển các làng nghề; hỗ trợ tạo lập, quản lý và phát triển quyền sở hữu công nghiệp cho các sản phẩm làng nghề, phát triển sản phẩm OCOP gắn với các loại hình du lịch của đồng bào DTTS.

Đẩy mạnh sự kết hợp giữa các giá trị tự nhiên và giá trị văn hóa truyền thống để phát triển du lịch nông nghiệp, góp phần bảo tồn các di sản văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể, phát triển các mô hình làng nông nghiệp - công nghiệp - lâm nghiệp, mô hình làng nông nghiệp - thủ công mỹ nghệ truyền thống.

**5. Nhóm dự án về phát triển các khu du lịch, nghỉ dưỡng chất lượng cao**

Trên cơ sở khai thác các loại hình du lịch, tận dụng lợi thế các tuyến giao thông kết nối đã hình thành như: Quốc lộ 40B, Đông Trường Sơn, tuyến đường vùng sâm, vùng cây dược liệu, tận dụng lợi thế về cảnh quan, môi trường, văn hóa truyền thống của đồng bào DTTS, hình thành các điểm nghỉ dưỡng theo hướng du lịch cộng đồng.

Phát triển việc liên kết, hợp tác xây dựng phát triển các tuyến du lịch trong nông nghiệp, nông thôn với các loại hình như du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng, du lịch làng nghề, du lịch vùng sâm, du lịch vùng dược liệu, du lịch trải nghiệm; tạo điều kiện liên kết, phát triển du lịch giữa các địa phương trong vùng, trong tỉnh (Hội An-Phú Ninh-Tiên Phước-Bắc Trà My-Nam Trà My).

**6. Nhóm dự án về phát triển kết cấu hạ tầng trọng điểm (giao thông, thủy lợi, công nghệ thông tin...)**

Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ trên cơ sở huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, đa dạng hóa các hình thức đầu tư để thực hiện có hiệu quả nhằm tạo nền tảng, động lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội; trong đó, ưu tiên đầu tư các công trình có tính đột phá, lan tỏa, nhất là hạ tầng giao thông, điện được kết nối liên vùng. Chú trọng đầu tư kết cấu hạ tầng thiết yếu khác như hạ tầng công nghệ thông tin, thủy lợi, nước sạch đảm bảo yêu cầu mô hình xây dựng NTM kiểu mẫu.

Rà soát, bố trí lại các vùng sản xuất nguyên liệu, chăn nuôi để từng bước hình thành vùng sản xuất tập trung theo chuỗi giá trị có sự liên kết và phát triển bền vững. Ưu tiên đầu tư ở những khu vực đã hình thành vùng sản xuất theo hiện trạng nhưng chưa có đường giao thông đến vùng nguyên liệu.

**IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

**1. Nâng cao nhận thức trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân về công tác phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi**

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền từ huyện đến cơ sở nhằm nâng cao nhận thức, hành động trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân về công tác sắp xếp dân cư gắn với phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi thông qua việc thực hiện các nhóm dự án quan trọng chủ lực, tạo sự đồng thuận của toàn xã hội trong việc triển khai thực hiện; khắc phục tình trạng trông chờ, ỷ lại của người dân.

Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, sự quản lý, điều hành của chính quyền, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đối với việc thực hiện các chủ trương, chính sách về công tác sắp xếp dân cư, phát triển miền núi, về tổ chức thực hiện, nâng cao hiệu quả các nhóm dự án quan trọng đầu tư trên địa bàn huyện. Mỗi xã căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương mình để đề ra các giải pháp cụ thể, thiết thực, hiệu quả, phù hợp nhằm lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện đạt kết quả cao nhất.

**2. Tập trung nguồn lực phát triển sản xuất, thông qua các dự án phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp theo chuỗi gắn với thích ứng với biến đổi khí hậu, đẩy mạnh công tác giảm nghèo bền vững**

Huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư, hỗ trợ phát triển sản xuất thông qua các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2030.

Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế; ưu tiên đầu tư phát triển mạnh cây dược liệu, Sâm Ngọc Linh, quế Trà My; làm tốt công tác bảo vệ, phát triển rừng; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn cho cán bộ thôn, bản về các lĩnh vực quản lý, khuyến nông, khuyến lâm để giúp đỡ bà con nông dân phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, ngành nghề nông thôn.

Đẩy nhanh tiến độ công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giao đất lâm nghiệp, giao rừng cho cộng đồng, hộ gia đình để quản lý, bảo vệ và phát triển kinh tế rừng, hạn chế tối đa việc đốt nương làm rẫy.

Hỗ trợ, thúc đẩy phát triển kinh tế hợp tác xã, doanh nghiệp vừa và nhỏ; đẩy mạnh hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ nông sản. Xây dựng và phát triển các loại hình hợp tác, HTX nông nghiệp kiểu mới, khởi nghiệp.

**3. Quy hoạch, quản lý, sử dụng hiệu quả đất đai, sắp xếp ổn định dân cư vùng thiên tai gắn với xây dựng Nông thôn mới**

Tăng cường công tác lập, thực hiện và quản lý quy hoạch (quy hoạch vùng, quy hoạch nông thôn mới, quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất phù hợp với định hướng phát triển các lĩnh vực như: Giao thông, thuỷ lợi, y tế, văn hoá - giáo dục, chợ nông thôn, điểm dân cư nông thôn, các cụm công nghiệp làng nghề). Hoàn thành đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Trung tâm huyện Nam Trà My và vùng phụ cận giai đoạn đến năm 2025 và năm 2030; Quy hoạch chung xây dựng thị trấn xã Trà Mai đến năm 2030 định hướng đến năm 2035, quy hoạch vùng, quy hoạch xây dựng chi tiết các khu vực chức năng; quy chế quản lý đô thị…

Tổ chức triển khai thực hiện Quyết định số 2405/QĐ-UBND ngày 23/8/2021 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND ngày 22/7/2021 của HĐND tỉnh quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ sắp xếp, ổn định dân cư miền núi Quảng Nam giai đoạn 2021-2025. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng Nông thôn mới, phát triển lâm nghiệp bền vững.

**4. Đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư phát triển hạ tầng, phát triển tiểu thủ công nghiệp và làng nghề**

Xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới. Tiếp tục khảo sát, đánh giá thực trạng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng phục vụ phát triển CN-TTCN để tập trung huy động nguồn lực đầu tư tạo tiền đề thu hút các doanh nghiệp đầu tư phát triển.

Tập trung huy động mọi nguồn lực để nâng cấp, cải tạo các cơ sở hạ tầng thiết yếu, nhất là giao thông, điện và hạ tầng viễn thông liên lạc để giúp giảm chi phí đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các doanh nghiệp đầu tư trên địa bàn. Chú trọng công tác xây dựng kế hoạch đầu tư (nhất là kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025), chủ động làm tốt công tác chuẩn bị đầu tư các công trình dự án trên các lĩnh vực giao thông, điện, hạ tầng kỹ thuật, cảnh quan môi trường, thuỷ lợi, y tế - giáo dục, Văn hoá - Thể thao, Thương mại và dịch vụ.

Tổ chức thu hút nhà đầu tư vào cụm công nghiệp Trà Mai - Trà Don; bổ sung quy hoạch cụm công nghiệp Trà Nam - Trà Linh, Cụm công nghiệp Trà Dơn - Trà Leng, hình thành các cụm công nghiệp vùng, thu hút nhà đầu tư trong lĩnh lực nông nghiệp nông thôn, theo hướng phù hợp với thực tế sử dụng đất, bảo đảm tính bền vững lâu dài.

Tập trung nâng cao giá trị các sản phẩm truyền thống hiện có của huyện theo hướng ưu tiên các nhà đầu tư sử dụng công nghệ tiên tiến, chất lượng cao; sản xuất theo hướng đa dạng hóa sản phẩm. Vận dụng các cơ chế chính sách hiện có để tạo động lực thúc đẩy công nghiệp nông thôn, tiểu thủ công nghiệp phát triển, trong đó ưu tiên hỗ trợ phát triển một số sản phẩm CN - TTCN được chế biến từ sản phẩm nông nghiệp chủ lực của huyện, như sâm Ngọc Linh, Quế Trà My, các loại cây dược liệu, hàng nông sản... để thực hiện Đề án mỗi xã một sản phẩm.

**5. Thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước và đẩy mạnh phân công, phân cấp quản lý**

Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các chương trình, dự án phát triển nông nghiệp và nông thôn trên địa bàn huyện, nhất là theo dõi, giám sát, đánh giá, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước, tăng cường phân công, phân cấp cho chính quyền địa phương đi đôi với tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong chỉ đạo, điều hành, chịu trách nhiệm trực tiếp về kết quả tổ chức thực hiện các chương trình, dự án trên địa bàn.

Tăng cường hơn nữa công tác xúc tiến, giới thiệu, quảng bá các cơ hội đầu tư trên địa bàn. Các cấp, các ngành, các địa phương phải tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các Doanh nghiệp, hỗ trợ, tinh giản, rút ngắn thời gian giải quyết các thủ tục hành chính cho doanh nghiệp và các thành phần kinh tế ngoài nhà nước đầu tư trên địa bàn.

**6. Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù về ưu đãi đầu tư**

Tiếp tục tổ chức thực hiện tốt các chính sách, chương trình dự án đã triển khai trong thời gian qua và nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách mới, đặc thù với địa phương miền núi nói chung để tạo điều kiện, tạo động lực hỗ trợ miền núi phát triển.

Triển khai có hiệu quả các cơ chế, chính sách của Chính phủ về công tác dân tộc và phát triển miền núi giai đoạn 2021 - 2030, các dự án hỗ trợ của các tổ chức quốc tế về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng; chú trọng bố trí đủ vốn đối ứng của địa phương để triển khai thực hiện đối với các chương trình, dự án có quy định.

**7. Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa - xã hội, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực khu vực miền núi**

Tiếp tục triển khai thực hiện tốt chính sách của Trung ương về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các DTTS giai đoạn 2021 - 2030*.*

Tập trung thực hiện đồng bộ và hiệu quả các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; khắc phục tình trạng chênh lệch chất lượng giáo dục giữa các vùng, địa phương; thực hiện tốt công tác phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở và trung học phổ thông. Tăng cường các hoạt động xã hội cho học sinh nhằm xây dựng trình độ học vấn phổ thông cơ bản vững chắc, tạo nền tảng để phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ cho học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số tham gia học nghề tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; chính sách phát triển giáo dục đối với con em dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chính sách về đào tạo nghề cho lao động nông thôn, đào tạo lao động người dân tộc thiểu số; chính sách hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo quy định.

Thực hiện tốt công tác y tế, chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân, chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình; chấm dứt tình trạng hôn nhân cận huyết thống, tình trạng tảo hôn trong đồng bào DTTS. Tiếp tục bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của đồng bào DTTS; tuyên truyền, vận động chống các biểu hiện mê tín, dị đoan, các tập tục lạc hậu.

**8. Củng cố hệ thống chính trị và bảo đảm quốc phòng, an ninh**

Nâng cao năng lực hoạt động của hệ thống chính trị, kiện toàn tổ chức bộ máy chính quyền ở cơ sở. Làm tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ người DTTS. Thực hiện luân chuyển cán bộ từ huyện xuống xã, từ xã lên huyện và giữa các xã trong huyện; từng bước xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo, phổ biến, quán triệt, tổ chức vận động, tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên và nhân dân trên địa bàn hiểu rõ ý nghĩa công tác kết nghĩa, không trông chờ, ỷ lại, phát huy nội lực, tự giác tham gia tích cực và hiệu quả; Chủ động phối hợp, hỗ trợ tạo điều kiện thuận lợi, cùng đồng hành, đồng thuận với các đơn vị nhận kết nghĩa; làm tốt công tác vận động đồng bào tham gia các phong trào thi đua, các hoạt động của Mặt trận, đoàn thể chính trị - xã hội.

Chủ động, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch, tranh thủ người có uy tín trong đồng bào DTTS, ngăn chặn kịp thời các hoạt động chống phá khối đại đoàn kết toàn dân, lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để lừa gạt, lôi kéo, kích động. Tăng cường các biện pháp quản lý, ngăn chặn tình trạng khai thác lâm, khoáng sản trái phép; bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn miền núi.

**V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1- Các chi, đảng bộ trực thuộc Huyện ủy, cơ quan, ban ngành, Mặt trận, hội đoàn thể tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 20/7/2021 của Tỉnh ủy Quảng Nam về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; định hướng một số dự án quan trọng giai đoạn 2021 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030 và Chương trình hành động này đến cán bộ, đảng viên và nhân dân. Đồng thời, xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể, sát với tình hình thực tế và tổ chức triển khai thực hiện đạt mục tiêu đã nêu.

2- UBND huyện xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình của Huyện ủy; xây dựng các chính sách và tạo các nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 – 2025 và tầm nhìn đến năm 2030. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện xây dựng kế hoạch, lộ trình thực hiện chương trình hành động này một cách nghiêm túc, thiết thực, hiệu quả.

3- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội cụ thể hóa Nghị quyết và Chương trình này thành những nội dung tuyên truyền phù hợp, vận động hội viên, đoàn viên và các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia thực hiện và giám sát thực hiện Chương trình.

4- Ban Tuyên giáo Huyện ủy hướng dẫn tuyên truyền Nghị quyết; chủ trì phối hợp với các cơ quan tham mưu, giúp việc cho Huyện ủy thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức thực hiện, định kỳ tham mưu Ban Thường vụ Huyện ủy tổ chức sơ kết, tổng kết kết quả thực hiện Chương trình.

|  |  |
| --- | --- |
| Nơi nhận: - TTTV Tỉnh uỷ (*báo cáo*), - VP Tỉnh uỷ (*theo dõi*), - Các cơ quan, ban, ngành huyện, - Các TCCS Đảng, - Các đ/c Huyện ủy viên,- Lưu Văn phòng Huyện ủy.   | **T/M BAN THƯỜNG VỤ**BÍ THƯ**Lê Thanh Hưng** |